TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1569 /DKVN - QLHĐ	*Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2023*

V/v Lấy ý kiến về dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 124/2017/NĐ-CP về đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí (lần 2).

BỘ CÔNG THƯƠNG
Số: 3466
Ngày: 17/3/23
Chuyển: .....
Lưu hồ sơ số: .....

KHẨN

Kính gửi: Bộ Công Thương

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Công Thương tại Công văn số 816/BCT-DKT ngày 21/2/2023 về việc cho ý kiến đối với dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 124/2017/NĐ-CP về đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí, tiếp theo Công văn số 7673/DKVN-QLHĐ ngày 28/12/2022, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) kính báo cáo Bộ Công Thương các nội dung liên quan như sau:

I. Đề xuất của PVN đối với nội dung văn bản trình Chính phủ

1. Tờ trình về việc ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 124/2017/NĐ-CP

Tại tờ trình Chính phủ về việc ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 124/2017/NĐ-CP ngày 15/11/2017, Bộ Công Thương đã nêu rõ các quy định về đầu tư ra nước ngoài (ĐTRNN) được bổ sung, sửa đổi tại Luật Đầu tư năm 2020 so với Luật Đầu tư năm 2014. Tuy nhiên, để phản ánh vấn đề khá quan trọng liên quan đến điều chỉnh đầu tư, tái đầu tư tại các dự án dầu khí tại nước ngoài, PVN đề nghị Bộ Công Thương xem xét bổ sung các nội dung sau tại Tờ trình Chính phủ:

- Khoản 1 Điều 63 quy định trường hợp điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài (GCNĐKĐTRNN), theo đó:
  - Loại bỏ các nội dung cần điều chỉnh: quy mô, tiến độ đầu tư theo Luật Đầu tư năm 2014;
  - Để lại lợi nhuận để thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 67 thì cần điều chỉnh GCNĐKĐTRNN đối với dự án hiện hữu: *i) Góp vốn trực tiếp hoặc cho dự án dầu khí ở nước ngoài khi dự án chưa đạt vốn đầu tư ra nước ngoài đã đăng ký, hoặc; ii) Tăng vốn đầu tư ra nước ngoài.*
- Khoản 2 Điều 67: Trường hợp giữ lại lợi nhuận từ dự án hiện hữu để tái đầu tư cho dự án mới khác thì chỉ cần thực hiện thủ tục cấp GCNĐKĐTRNN cho dự án đầu tư mới (theo Luật Đầu tư năm 2014 thì cần điều chỉnh GCNĐKĐTRNN hiện hữu và cấp GCNĐKĐTRNN cho dự án mới).

2. Về dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 124/2017/NĐ-CP

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam cơ bản thống nhất với dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 124/2017/NĐ-CP. Tuy nhiên, để phù hợp với Luật Đầu tư năm 2020, nhằm kế thừa các nội dung tại Nghị định số 124/2017/NĐ-CP, và áp dụng thông lệ chung trên thế giới trong ngành công nghiệp dầu khí, cũng như theo tình hình thực tế triển khai công tác đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam kiến nghị Bộ Công Thương xem xét các nội dung liên quan như sau:

Chính xác hóa tên gọi phần giải thích từ ngữ

Đổi tên "Người điều hành" thành "Công ty điều hành" tại **Điều 3** để đồng bộ

tên gọi như Điều 13 của dự thảo Nghị định, cũng như sắp xếp thứ tự các mục từ 1 đến 9 phần giải tích từ ngữ theo trình tự logic và bổ sung khái niệm "dự án dầu khí đầu tư mở rộng" và "dự án dầu khí đầu tư mới".

Căn cứ đề xuất:

- Bổ sung khái niệm "dự án dầu khí đầu tư mở rộng" và "dự án dầu khí đầu tư mới" phù hợp với khoản 5 và khoản 6 Điều 3 Luật Đầu tư năm 2020, làm cơ sở để xác định loại hình dự án tương ứng với thủ tục cấp GCNĐKĐTRNN điều chỉnh/GCNĐKĐTRNN mới.

a) Sử dụng lợi nhuận ở nước ngoài

Bổ sung nội dung sử dụng lợi nhuận ở nước ngoài tại Điều 16 với các điểm chính như sau (kế thừa và bổ sung Điều 24 Nghị định số 124/2017/NĐ-CP):

i. *Đối với dự án dầu khí ở nước ngoài có nhiều đối tác tham gia, nhà đầu tư có trách nhiệm thỏa thuận rõ cơ chế chia lợi nhuận như: thời điểm chia, tỷ lệ chia lợi nhuận hoặc cổ tức phát sinh hằng năm.*

ii. *Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày có báo cáo quyết toán thuế hoặc văn bản phân chia lợi nhuận/văn bản có giá trị pháp lý tương đương theo quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư, nhà đầu tư phải chuyển toàn bộ lợi nhuận được chia và các khoản thu nhập khác được nhận từ đầu tư dự án dầu khí ở nước ngoài về Việt Nam. Trong thời hạn này mà chưa chuyển lợi nhuận và các khoản thu nhập khác về Việt Nam, nhà đầu tư được gia hạn thêm không quá 12 tháng và phải có văn bản báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Ngân hàng nhà nước Việt Nam.*

iii. *Nhà đầu tư được để lại lợi nhuận thu từ dự án dầu khí ở nước ngoài (lợi nhuận được chia, lợi nhuận sau thuế) nhằm mục đích tái đầu tư: (i) Góp vốn trực tiếp hoặc cho dự án dầu khí ở nước ngoài vay lại khi dự án chưa đạt vốn đầu tư ra nước ngoài đã đăng ký, tăng vốn đầu tư ra nước ngoài hoặc; (ii) Sử dụng để đầu tư cho những dự án dầu khí khác ở nước ngoài đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài.*

iv. *Trong trường hợp lợi nhuận thu được từ dự án dầu khí ở nước ngoài (lợi nhuận được chia, lợi nhuận sau thuế) được giữ lại để tái đầu tư cho dự án dầu khí mới khác thì nhà đầu tư chỉ cần thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài cho dự án dầu khí đầu tư mới (giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài của dự án dầu khí đầu tư mới tách biệt với giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài của dự án hiện hữu đang triển khai).*

v. *Nhà đầu tư được phép ký kết các thỏa thuận cho vay ra nước ngoài mới hình thành từ lợi nhuận được chia, lợi nhuận sau thuế của nhà đầu tư để lại với hạn mức bằng tổng nợ gốc đã chuyển về Việt Nam của thỏa thuận cho vay ra nước ngoài đã ký kết mà không cần thực hiện thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài. Trong trường hợp này, thời hạn của thỏa thuận cho vay ra nước ngoài không quá 18 tháng tính từ thời điểm như quy định tại điểm (ii) nêu trên.*

vi. *Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp nhà nước, nhà đầu tư chưa phải thực hiện điều tiết lợi nhuận trong thời gian chưa chuyển lợi nhuận về Việt Nam theo quy định của pháp luật nhưng phải bổ sung, thuyết minh tại báo cáo tài chính, phục vụ giám sát, theo dõi của cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan có liên quan.*

Căn cứ đề xuất:

- Phù hợp với Điều 67 và Điều 68 Luật Đầu tư năm 2020;
- Kế thừa nội dung tại Điều 24 Nghị định số 124/2017/NĐ-CP;
- Phù hợp với tình hình triển khai thực tế các dự án hiện nay;
- Một số nội dung đã có trong dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 124/2017/NĐ-CP (lấy ý kiến lần 1) và không có ý kiến chưa đồng thuận của Bộ ngành đối với nội dung liên quan (ngoại trừ mục vi);
- Nội dung vi là cần thiết xem xét với các lý do sau:
  + *Kế thừa Nghị định 124;*
  + *Việc khai, nộp lợi nhuận sau thuế vào ngân sách nhà nước khi chưa chuyển được lợi nhuận về Việt Nam sẽ gây khó khăn cho việc cân đối dòng tiền và có thể ảnh hưởng đến tính liên tục, thường xuyên trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp;*
  + *Thực tế khi kiểm toán Báo cáo tài chính (BCTC) năm 2017 của PVN, đối với lợi nhuận để lại giai đoạn 2011-2013 từ dự án 04 Lô Nhenhexky, Kiểm toán nhà nước đã chấp thuận áp dụng nguyên tắc thuyết minh tại BCTC và việc nộp lợi nhuận vào ngân sách nhà nước được thực hiện sau khi hoàn thành xử lý đối với lợi nhuận để lại giai đoạn này.*

b) Thực hiện nghĩa vụ kết thúc dự án

i) Đối với dự án hiện hữu

Bổ sung nội dung sau tại **Điều 26.2** (*phần gạch chân*): *"Đối với các dự án dầu khí có giấy phép đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài được cấp trước ngày 01 tháng 7 năm 2015 hoặc trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực, <u>cũng như đối với dự án triển khai theo chỉ đạo, quyết định của Chính phủ mà không có giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài,</u>* nhà đầu tư *<u>được phép chuyển tiền để kết thúc hoạt động đầu tư tại nước ngoài và thực hiện thủ tục</u> đăng ký với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chuyển tiền ra nước ngoài nhằm thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với nước tiếp nhận đầu tư, đối tác theo quy định của hợp đồng dầu khí, giấy phép hoặc các thỏa thuận và văn bản pháp lý khác có liên quan. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm sử dụng số ngoại tệ chuyển ra nước ngoài đúng mục đích phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam".*

Căn cứ đề xuất:

- Nội dung bổ sung phù hợp với các dự án theo quyết định đặc biệt của Chính phủ (Dự án điển hình: Dự án mỏ Bắc Purov của Gazpromviet tại LB Nga trong trường hợp Cấp thẩm quyền cho phép kết thúc).

ii) Đối với dự án tương lai (Điều 14):

"Đối với các trường hợp không thuộc nhóm dự án dầu khí ở nước ngoài được quy định tại khoản 2 Điều 26 dưới đây và vốn đầu tư ra nước ngoài vượt hạn mức ghi trong giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài, nhà đầu tư được chuyển tiền ra nước ngoài nhằm thực hiện các nghĩa vụ của nhà đầu tư sau khi kết thúc hoạt động đầu tư ra nước ngoài đối với nước tiếp nhận đầu tư, đối tác theo quy định của hợp đồng dầu khí, giấy phép hoặc các thỏa thuận và văn bản pháp lý khác có liên quan sau khi được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận. Hồ sơ, trình tự, thủ tục trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận bao gồm: đề xuất của Nhà đầu tư; chấp

thuận của Cơ quan đại diện chủ sở hữu (nếu có); các hợp đồng, thỏa thuận, văn bản pháp lý quy định nghĩa vụ tài chính đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, Bộ Công Thương phối hợp xem xét đề xuất của Nhà đầu tư trước khi trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận".

Căn cứ đề xuất:

- Nội dung bổ sung cho các dự án tương lai để có cơ chế xử lý tương tự như các dự án hiện hữu.

c) Xử lý chi phí của dự án dầu khí ở nước ngoài không thành công

Điều 25 Nghị định số 124/2017/NĐ-CP quy định xử lý chi phí không thành công của dự án tại nước ngoài phù hợp với chuẩn mực và thông lệ quốc tế trong ngành dầu khí theo mức độ rủi ro cho từng giai đoạn của hoạt động dầu khí: Tìm kiếm, thăm dò, phát triển mỏ và khai thác; và cho các chi phí không được thu hồi đặc thù như: Mua tài sản, mua trữ lượng, phí tham gia dự án và các chi phí không thu hồi khác khác theo quy định của Hợp đồng dầu khí hoặc tại các văn bản pháp lý khác của nước tiếp nhận đầu tư. Việc áp dụng nguyên tắc phân bổ chi phí này góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư xử lý các chi phí không thành công một cách tách bạch, rõ ràng cho từng giai đoạn triển khai.

Tại dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 124/2017/NĐ-CP đề xuất phương án xử lý chi phí không thành công *theo quy định của pháp luật và quy chế quản lý tài chính của doanh nghiệp.* Đồng thời bổ sung nội dung chuyển tiếp: *Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp nhà nước hoặc công ty con do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, trường hợp quy chế quản lý tài chính của doanh nghiệp quy định việc xử lý chi phí của dự án dầu khí ở nước ngoài không thành công thực hiện theo Nghị định 124/2017/NĐ-CP thì áp dụng nguyên tắc phân bổ chi phí Điều 25 Nghị định số 124/2017/NĐ-CP nhưng không quá 02 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.* Tuy nhiên, phương án này có những bất cập sau đây:

- Nghị định thay thế Nghị định số 124/2017/NĐ-CP tham chiếu đến Nghị định 36/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 về Quy chế quản lý tài chính của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Trong khi đó, Nghị định 36/2021/NĐ-CP hiện chưa quy định về xử lý chi phí không thành công của dự án dầu khí đầu tư ra nước ngoài, đồng thời tham chiếu đến quy định của Chính phủ về đầu tư ra nước ngoài. Như vậy, nhà đầu tư không có cơ sở pháp lý để xử lý chi phí không thành công của dự án dầu khí đầu tư ra nước ngoài;
- Việc tham chiếu Điều 25 Nghị định số 124/2017/NĐ-CP cho giai đoạn chuyển tiếp với thời gian không quá 02 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực sẽ gặp những khó khăn nhất định:
  + Nghị định mới ban hành tham chiếu đến Điều 25 Nghị định số 124/2017/NĐ-CP không còn hiệu lực;
  + Việc giới hạn thời gian 02 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực sẽ tạo "khoảng trống pháp luật" trong trường hợp chưa có Nghị định thay thế Nghị định 36/2021/NĐ-CP có bổ sung nội dung về xử lý chi phí không thành công.

Theo khoản 3 Điều 156 Luật Ban hành văn bản pháp luật quy định ***"Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật do cùng một cơ quan ban hành có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của văn bản quy phạm pháp luật ban hành sau"***. Như vậy, trong thời gian tới khi có Nghị định mới

thay thế Nghị định 36/2021/NĐ-CP thì việc xử lý chi phí không thành công cho các dự án dầu khí tại nước ngoài của nhà đầu tư là doanh nghiệp nhà nước hoặc công ty con do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ sẽ áp dụng theo quy định của pháp luật và quy chế quản lý tài chính của doanh nghiệp.

Trên cơ sở đánh giá phân tích trên đây, PVN đề xuất giữ nguyên các nội dung Điều 25 Nghị định số 124/2017/NĐ-CP quy định xử lý chi phí không thành công của dự án dầu khí tại nước ngoài và đưa nội dung này vào Nghị định mới thay thế Nghị định số 124/2017/NĐ-CP.

d) Ban hành biểu mẫu báo cáo (Điều 24)

Để tiến hành kiểm tra, thanh tra, giám sát, đánh giá hoạt động đầu tư của các dự án dầu khí tại nước ngoài, PVN đề xuất xem xét bổ sung nội dung tại Điều 24 về việc giao cho Bộ hoạch và Đầu tư ban hành biểu mẫu báo cáo phù hợp với đặc thù của ngành dầu khí để nhằm báo cáo cấp thẩm quyền theo quy định. PVN và các đơn vị thành viên sẽ phối hợp cùng với Bộ hoạch và Đầu tư xây dựng các biểu mẫu liên quan.

Căn cứ đề xuất:

- Điều 69 Luật đầu tư năm 2020;
- Tham chiếu Điều 99 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP;
- Phù hợp tính đặc thù của ngành dầu khí so với các lĩnh vực khác.

e) Các nội dung khác:

Chính xác hóa các nội dung tại khoản 5 Điều 14 và khoản 1 Điều 20 dự thảo Nghị định.

Căn cứ đề xuất:

- Khoản 5 Điều 14: Nêu rõ việc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn chi tiết về quy trình thực hiện chuyển ngoại tệ ra nước ngoài để thực hiện hoạt động dầu khí. Tránh việc tham chiếu đến Điều 82 Nghị định 31/2021/NĐ-CP liên quan đến hạn mức chuyển tiền để chuẩn bị đầu tư;
- Khoản 1 Điều 20: Nhà đầu tư Việt Nam có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính liên quan đến dự án dầu khí ở nước ngoài không những đối với Nhà nước Việt Nam và cả với **nước tiếp nhận đầu tư**.

II. Kiến nghị

Với nội dung phân tích trên đây, xét thấy tầm quan trọng trong việc thực hiện chủ trương mở rộng các hoạt động đầu tư, cũng như với tình hình thực tế triển khai công tác đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực dầu khí, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam kính đề nghị Bộ Công Thương xem xét, chấp thuận đề xuất của PVN **tại Mục I nêu trên** đối với dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 124/2017/NĐ-CP.

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam kính báo cáo./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- HĐTV Tập đoàn (e-copy, để b/cáo);
- TGĐ Tập đoàn (e-copy, để b/cáo);
- Các Ban: TKTD, KTDK, TCKT, PC&Ktr, KTĐT (e-copy);
- Lưu: VT, QLHĐ (b).

KT.TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lê Ngọc Sơn

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /2023/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2023*

DỰ THẢO
(Phiên bản 20/02/2023)

NGHỊ ĐỊNH
Quy định về đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về đầu tư ra nước ngoài theo hình thức quy định tại các điểm a, b, c, đ khoản 1 Điều 52 Luật Đầu tư để trực tiếp tham gia thực hiện hoạt động dầu khí, dự án dầu khí ở nước ngoài (sau đây gọi tắt là đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí).

2. Đầu tư ra nước ngoài theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của tổ chức kinh tế ở nước ngoài hoạt động nhiều lĩnh vực (trong đó có dầu khí) để tham gia quản lý tổ chức kinh tế đó nhưng không trực tiếp tham gia thực hiện hoạt động dầu khí, dự án dầu khí ở nước ngoài được thực hiện theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư (sau đây gọi tắt là Nghị định số 31/2021/NĐ-CP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với nhà đầu tư, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Hoạt động dầu khí ở nước ngoài* gồm hoạt động tìm kiếm thăm dò dầu khí, phát triển mỏ dầu khí, khai thác dầu khí, thu dọn công trình dầu khí và các hoạt động liên quan khác được thực hiện ở nước ngoài theo quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư, hợp đồng dầu khí hoặc giấy phép.

2. *Dự án dầu khí* là dự án đầu tư được hình thành từ một hoặc nhiều hợp đồng dầu khí hoặc giấy phép để thực hiện hoạt động dầu khí ở nước ngoài, trong đó:

a) *Dự án dầu khí đầu tư mở rộng* là dự án đầu tư phát triển dự án dầu khí đang hoạt động bằng cách mở rộng quy mô, nâng cao công suất (triển khai các hoạt động dầu khí ở nước ngoài theo tiến độ và theo giai đoạn được quy định trong các hợp đồng dầu khí, giấy phép hoặc các văn bản pháp lý khác liên quan của nước tiếp nhận đầu tư, bao gồm nhưng không giới hạn thực hiện các công việc tìm kiếm, thăm dò, thẩm lượng bổ sung, khai thác thử, xây dựng phát triển mỏ theo giai đoạn, các giải pháp tăng sản lượng khai thác, nâng cao công suất, quy mô cơ sở hạ tầng phục vụ cho hoạt động dầu khí và các công việc khác liên quan); đổi mới công nghệ và giảm ô nhiễm hoặc cải thiện môi trường trong hoạt động dầu khí ở nước ngoài;

b) *Dự án dầu khí đầu tư mới* là dự án đầu tư thực hiện lần đầu hoặc dự án đầu tư độc lập với dự án dầu khí đang hoạt động.

3. *Giấy phép hoặc văn bản tương đương* là văn bản của nước tiếp nhận đầu tư cấp cho nhà đầu tư hoặc pháp nhân do nhà đầu tư thành lập theo quy định của pháp luật để thực hiện hoạt động dầu khí ở nước ngoài.

4. *Hợp đồng dầu khí* là thỏa thuận bằng văn bản được ký kết giữa đại diện chủ sở hữu tài nguyên dầu khí với nhà đầu tư theo quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư để thực hiện hoạt động dầu khí ở nước ngoài.

5. *Công ty điều hành* là tổ chức đại diện cho các nhà đầu tư điều hành hoạt động dầu khí ở nước ngoài trong phạm vi được ủy quyền theo thỏa thuận giữa các nhà đầu tư và quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư

6. *Lợi nhuận của nhà đầu tư* là phần nhận được của nhà đầu tư sau khi khấu trừ toàn bộ các khoản chi phí, phí và thuế theo quy định của hợp đồng dầu khí và pháp luật nước tiếp nhận đầu tư.

7. *Thỏa thuận cho vay ra nước ngoài* là thỏa thuận được ký kết giữa bên cho vay là nhà đầu tư Việt Nam với bên đi vay là tổ chức kinh tế ở nước ngoài được thành lập để thực hiện hoạt động dầu khí ở nước ngoài.

8. *Ứng vốn* là hình thức một hoặc một số nhà đầu tư ứng trước vốn đầu tư cho một hoặc các nhà đầu tư khác theo thỏa thuận để triển khai các hoạt động dầu khí ở nước ngoài phù hợp với luật pháp của nước tiếp nhận đầu tư, hợp đồng dầu khí, giấy phép và các thỏa thuận liên quan khác; bên được ứng vốn có nghĩa vụ hoàn trả khoản ứng vốn này và lãi (nếu có) trong mọi trường hợp.

9. *Gánh vốn* là hình thức một hoặc một số nhà đầu tư thay mặt nhà đầu tư khác thực hiện nghĩa vụ góp vốn theo thỏa thuận để triển khai hoạt động dầu khí

ở nước ngoài phù hợp với pháp luật của quốc gia, vùng lãnh thổ tiếp nhận đầu tư (sau đây gọi là nước tiếp nhận đầu tư), hợp đồng dầu khí, giấy phép và các thỏa thuận liên quan khác mà không phải hoàn trả trong trường hợp rủi ro.

Điều 4. Vốn đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí

1. Nguồn vốn đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí gồm tiền và tài sản hợp pháp khác của nhà đầu tư, bao gồm vốn chủ sở hữu, vốn vay tại Việt Nam chuyển ra nước ngoài, chi phí thu hồi, lợi nhuận và các khoản được chia từ dự án dầu khí ở nước ngoài được giữ lại để thực hiện đầu tư ở nước ngoài.

2. Tiền và tài sản hợp pháp khác theo quy định tại khoản 1 Điều này gồm:

a) Ngoại tệ trên tài khoản tại tổ chức tín dụng được phép hoặc mua tại tổ chức tín dụng được phép theo quy định của pháp luật;

b) Đồng Việt Nam phù hợp với pháp luật về quản lý ngoại hối của Việt Nam;

c) Máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu, hàng hóa thành phẩm, hàng hóa bán thành phẩm;

d) Giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, thương hiệu, quyền đối với tài sản;

đ) Cổ phần, phần vốn góp, dự án của nhà đầu tư được hoán đổi tại tổ chức kinh tế ở Việt Nam và tổ chức kinh tế ở nước ngoài theo quy định tại khoản 4 Điều này;

e) Phần gánh vốn, phần ứng vốn, lợi nhuận trả cho đối tác gánh vốn (nếu có);

g) Các tài sản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật dân sự.

3. Vốn đầu tư ra nước ngoài được dùng để góp vốn, cho công ty điều hành (quy định tại Điều 13 Nghị định này), tổ chức kinh tế ở nước ngoài được thành lập để thực hiện hoạt động dầu khí ở nước ngoài vay vốn, thanh toán tiền mua cổ phần, mua phần vốn góp, thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh phát sinh (nếu có) và các nghĩa vụ tài chính khác của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư, hợp đồng dầu khí, giấy phép và các thỏa thuận liên quan khác để thực hiện hoạt động dầu khí, dự án dầu khí ở nước ngoài từ khi hình thành dự án đến khi kết thúc dự án và hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo quy định. Các khoản vốn đã chuyển ra nước ngoài, khi được thu hồi và chuyển về nước thì không tính vào vốn đã chuyển ra nước ngoài.

4. Nhà đầu tư Việt Nam được dùng cổ phần, phần vốn góp hoặc dự án đầu tư của nhà đầu tư đó tại Việt Nam để thanh toán hoặc hoán đổi cho việc mua cổ phần, phần vốn góp hoặc dự án dầu khí của tổ chức kinh tế ở nước ngoài. Trong trường hợp này, nhà đầu tư Việt Nam thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài trước, sau đó nhà đầu tư nước ngoài thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Đầu tư ra nước ngoài của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam

Đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam thực hiện theo quy định tại Điều 70 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

Điều 6. Đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp nhà nước và công ty con do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ

1. Thẩm quyền quyết định đầu tư ra nước ngoài đối với dự án dầu khí của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ

a) Đối với dự án dầu khí thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài theo quy định của Luật Đầu tư, trên cơ sở báo cáo của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty và báo cáo thẩm định nội bộ của cơ quan đại diện chủ sở hữu về đề xuất đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp nhà nước, cơ quan đại diện chủ sở hữu có văn bản chấp thuận doanh nghiệp nhà nước được thực hiện hoạt động đầu tư ra nước ngoài;

b) Trường hợp dự án dầu khí ở nước ngoài thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội theo quy định của Luật Đầu tư thì Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư sau khi Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư;

c) Trường hợp dự án dầu khí ở nước ngoài thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ theo quy định của Luật Đầu tư thì cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định đầu tư sau khi Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư;

d) Trường hợp dự án dầu khí không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài theo quy định của Luật Đầu tư, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty quyết định đầu tư sau khi cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận doanh nghiệp nhà nước được thực hiện hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

2. Thẩm quyền quyết định đầu tư ra nước ngoài đối với dự án dầu khí của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trừ doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này

a) Trên cơ sở báo cáo của người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận các nội dung liên quan để người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp biểu quyết và quyết định đầu tư đối với dự án dầu khí ở nước ngoài tại Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên;

b) Hội đồng thành viên quyết định đầu tư đối với dự án dầu khí ở nước ngoài của doanh nghiệp nhà nước là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên;

c) Đại hội đồng cổ đông quyết định đầu tư đối với dự án dầu khí ở nước ngoài của doanh nghiệp nhà nước là công ty cổ phần;

3. Thẩm quyền quyết định đầu tư ra nước ngoài đối với dự án dầu khí của công ty con do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ

a) Đối với dự án dầu khí thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, trên cơ sở báo cáo của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty con, doanh nghiệp nhà nước (công ty mẹ) chấp thuận công ty con được thực hiện hoạt động đầu tư ra nước ngoài làm cơ sở để công ty con ra quyết định đầu tư và hoàn thiện thủ tục hồ sơ trình cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài;

b) Trường hợp dự án dầu khí không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài theo quy định của Luật Đầu tư, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty con quyết định đầu tư sau khi doanh nghiệp nhà nước (công ty mẹ) chấp thuận công ty con được thực hiện hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

4. Hoạt động đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư không thuộc trường hợp quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này do nhà đầu tư quyết định theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

5. Cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài thì có thẩm quyền chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư ra nước ngoài. Cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư ra nước ngoài thì có thẩm quyền quyết định điều chỉnh nội dung quyết định đầu tư ra nước ngoài và quyết định chấm dứt dự án dầu khí ở nước ngoài. Trường hợp điều chỉnh dự án dầu khí ở nước ngoài dẫn đến dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài của cấp cao hơn thì cấp đó có thẩm quyền chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư ra nước ngoài.

Điều 7. Tài liệu xác định địa điểm thực hiện dự án dầu khí ở nước ngoài

Tài liệu xác định địa điểm thực hiện dự án dầu khí ở nước ngoài là một trong các loại giấy tờ sau, trong đó có nội dung xác định địa điểm:

1. Giấy phép hoặc văn bản có giá trị tương đương của nước tiếp nhận đầu tư.

2. Hợp đồng dầu khí hoặc văn bản thỏa thuận đầu tư với đối tác nước ngoài hoặc văn bản thỏa thuận về việc nhận chuyển nhượng quyền lợi tham gia hoặc nhận chuyển nhượng một phần hay toàn bộ vốn góp của tổ chức kinh tế thực hiện hoạt động dầu khí ở nước ngoài.

3. Hợp đồng giao đất, cho thuê đất hoặc quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền tại nước tiếp nhận đầu tư.

4. Thông báo trúng thầu tham gia dự án dầu khí ở nước ngoài hoặc văn bản có giá trị tương đương của nước tiếp nhận đầu tư.

Điều 8. Tài liệu xác định hình thức đầu tư ra nước ngoài; ngôn ngữ sử dụng trong hồ sơ đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí; tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục liên quan đến đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí; xử lý hồ sơ giả mạo

1. Tài liệu xác định hình thức đầu tư ra nước ngoài được thực hiện theo quy định tại Điều 74 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

2. Ngôn ngữ sử dụng trong hồ sơ đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí được thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

3. Tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục liên quan đến đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí được thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

4. Xử lý hồ sơ giả mạo được thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

Chương II

THỦ TỤC CẤP, ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI

Điều 9. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án dầu khí thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài

1. Hồ sơ cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án dầu khí thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài gồm các tài liệu sau:

a) Các tài liệu theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e khoản 1 Điều 57 Luật Đầu tư.

b) Đối với tài liệu quy định tại điểm c khoản 1 Điều 57 Luật Đầu tư, nhà đầu tư phải đánh giá đầy đủ các rủi ro về kỹ thuật, kinh tế, môi trường đầu tư tại nước tiếp nhận đầu tư và các rủi ro khác phù hợp với tính chất của dự án hoặc các giai đoạn của dự án dầu khí ở nước ngoài.

c) Văn bản của cơ quan thuế xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế của nhà đầu tư theo quy định tại khoản 5 Điều 60 Luật Đầu tư.

d) Tài liệu xác nhận địa điểm thực hiện dự án dầu khí ở nước ngoài theo quy định tại Điều 7 Nghị định này.

đ) Tài liệu xác định hình thức đầu tư ra nước ngoài đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định này.

e) Báo cáo về việc cho tổ chức kinh tế được thành lập để thực hiện hoạt động dầu khí ở nước ngoài vay (nếu có) gồm các nội dung: tên bên đi vay; tổng số tiền cho vay; mục đích, điều kiện cho vay; kế hoạch giải ngân; kế hoạch thu hồi nợ; biện pháp bảo đảm tài sản và phương thức xử lý tài sản bảo đảm (nếu có); phương án cân đối nguồn ngoại tệ để thực hiện cho vay; đánh giá khả năng tài chính của bên đi vay; mức độ rủi ro và dự kiến các biện pháp phòng ngừa rủi ro đối với khoản cho vay này.

g) Tài liệu xác định việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh phát sinh đối với trường hợp dự án dầu khí ở nước ngoài có nội dung nhà đầu tư bảo lãnh cho tổ chức kinh tế ở nước ngoài vay để thực hiện dự án.

h) Các tài liệu khác có liên quan.

2. Trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án dầu khí thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài được thực hiện theo quy định tại Điều 76 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

Điều 10. Hồ sơ, trình tự, thủ tục điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án dầu khí thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài

Hồ sơ, trình tự, thủ tục điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án dầu khí thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài được thực hiện theo quy định tại Điều 77 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

Điều 11. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án dầu khí không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài

Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án dầu khí không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài được thực hiện theo quy định tại Điều 78 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

Điều 12. Hồ sơ, trình tự, thủ tục điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án dầu khí không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài

Hồ sơ, trình tự, thủ tục điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án dầu khí không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài thực hiện theo quy định tại Điều 79 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

Chương III

TRIỂN KHAI DỰ ÁN DẦU KHÍ

Điều 13. Thành lập công ty điều hành

1. Để thực hiện hoạt động hình thành dự án dầu khí ở nước ngoài hoặc triển khai dự án dầu khí ở nước ngoài, nhà đầu tư được phép thành lập hoặc tham gia thành lập công ty điều hành tại Việt Nam, tại nước tiếp nhận đầu tư hoặc tại nước thứ ba theo quy định của pháp luật có liên quan, hợp đồng dầu khí và thông lệ công nghiệp dầu khí quốc tế.

2. Nhà đầu tư có thể sử dụng một công ty điều hành để quản lý, điều hành một hoặc nhiều dự án dầu khí ở nước ngoài phù hợp với quy định của nước tiếp nhận đầu tư. Chi phí đối với từng dự án dầu khí phải được phân bổ, hạch toán độc lập.

3. Trường hợp nhà đầu tư quyết định thành lập công ty điều hành nhằm mục đích thay mặt nhà đầu tư tham gia hoặc triển khai dự án dầu khí ở nước ngoài, công ty điều hành và nhà đầu tư sẽ được ghi tên trong giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài. Công ty điều hành được sử dụng giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài để phục vụ các hoạt động liên quan đến triển khai dự án dầu khí.

Điều 14. Chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài

1. Nhà đầu tư được chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài để thực hiện hoạt động đầu tư ở nước ngoài trong hoạt động dầu khí theo quy định tại Điều 66 Luật Đầu tư.

2. Nhà đầu tư được chuyển ngoại tệ, hàng hóa, máy móc, thiết bị ra nước ngoài trước khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài để đáp ứng các chi phí cho hoạt động hình thành dự án dầu khí ở nước ngoài, bao gồm:

a) Nghiên cứu thị trường và cơ hội đầu tư;

b) Khảo sát thực địa;

c) Nghiên cứu tài liệu;

d) Thu thập và mua tài liệu, thông tin có liên quan đến lựa chọn dự án;

đ) Tổng hợp, đánh giá, thẩm định, kể cả việc lựa chọn và thuê chuyên gia, tư vấn để tiếp cận, đánh giá, thẩm định dự án;

e) Tổ chức hội thảo, hội nghị khoa học;

g) Thành lập và hoạt động của văn phòng liên lạc ở nước ngoài liên quan đến việc hình thành dự án;

h) Tham gia đấu thầu quốc tế, đặt cọc, ký quỹ hoặc các hình thức bảo lãnh tài chính khác, thanh toán chi phí, lệ phí theo yêu cầu của bên mời thầu, nước tiếp nhận đầu tư liên quan đến điều kiện tham gia đấu thầu, điều kiện thực hiện dự án;

i) Tham gia mua bán, sáp nhập công ty, đặt cọc, ký quỹ hoặc các hình thức bảo lãnh tài chính khác, thanh toán chi phí, lệ phí theo yêu cầu của bên bán công ty hoặc theo quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư;

k) Đàm phán hợp đồng;

l) Mua hoặc thuê tài sản, dịch vụ hỗ trợ cho việc hình thành dự án.

3. Việc chuyển tiền theo quy định tại khoản 2 Điều này được thực hiện trên cơ sở các cam kết, thỏa thuận thương mại liên quan đến đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật nước tiếp nhận đầu tư, thông qua tài khoản ngoại tệ mở tại tổ chức tín dụng được phép của Việt Nam và đăng ký với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm sử dụng số ngoại tệ chuyển ra nước ngoài trước khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đúng mục đích phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.

4. Nhà đầu tư được thực hiện các giao dịch hoàn trả lại phần góp vốn (thừa) của đối tác nước ngoài khác sau khi kết thúc dự án dầu khí, hoạt động dầu khí ở nước ngoài.

5. Đối với các trường hợp không thuộc nhóm dự án dầu khí ở nước ngoài được quy định tại khoản 2 Điều 26 dưới đây và vốn đầu tư ra nước ngoài của dự án dầu khí vượt hạn mức ghi trong giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài, nhà đầu tư được chuyển tiền ra nước ngoài nhằm thực hiện các nghĩa vụ của nhà đầu tư sau khi kết thúc hoạt động đầu tư ra nước ngoài đối với nước tiếp nhận đầu tư, đối tác theo quy định của hợp đồng dầu khí, giấy phép hoặc các thỏa thuận và văn bản pháp lý khác có liên quan sau khi được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận. Hồ sơ, trình tự, thủ tục trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận bao gồm: đề xuất của nhà đầu tư; chấp thuận của Cơ quan đại diện chủ sở hữu (nếu có); các hợp đồng, thỏa thuận, văn bản pháp lý quy định nghĩa vụ tài chính đối với hoạt động

đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, Bộ Công Thương phối hợp xem xét đề xuất của nhà đầu tư trước khi trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận.

6. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn chi tiết về quy trình thực hiện chuyển ngoại tệ ra nước ngoài để thực hiện hoạt động dầu khí.

Điều 15. Huy động vốn cho dự án dầu khí ở nước ngoài và bảo lãnh vay vốn thực hiện dự án

1. Nhà đầu tư Việt Nam được ủy quyền cho công ty điều hành huy động vốn từ các tổ chức tài chính, tín dụng (nước ngoài hoặc trong nước) để thực hiện dự án dầu khí ở nước ngoài tương ứng với tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư trong dự án.

2. Đối với các dự án dầu khí ở nước ngoài có thành lập công ty điều hành và trường hợp các tổ chức tài chính, tín dụng có yêu cầu về cầm cố, thế chấp tài sản dự án cho khoản vay, nhà đầu tư được thực hiện các thủ tục pháp lý để công ty điều hành thực hiện các khoản vay này.

3. Trường hợp các tổ chức tài chính, tín dụng có yêu cầu bảo lãnh của các nhà đầu tư, nhà đầu tư Việt Nam thực hiện việc bảo lãnh tương ứng với tỷ lệ tham gia đầu tư của nhà đầu tư trong dự án.

Điều 16. Chuyển khoản thu hồi vốn (chi phí) từ dự án dầu khí ở nước ngoài về Việt Nam

1. Nhà đầu tư có trách nhiệm chuyển khoản thu hồi vốn (chi phí) từ dự án dầu khí ở nước ngoài về Việt Nam.

2. Khi chuyển khoản thu hồi vốn (chi phí) về Việt Nam, nhà đầu tư được phép trừ vào tổng vốn đầu tư ra nước ngoài khi xác định vốn đầu tư đã chuyển ra nước ngoài tại mỗi thời điểm và có báo cáo bằng văn bản đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

3. Trường hợp tổng vốn đầu tư ra nước ngoài chưa đạt so với vốn đăng ký hoặc trong trường hợp tăng vốn đầu tư ra nước ngoài, nhà đầu tư được giữ lại các khoản thu hồi vốn (chi phí) của dự án dầu khí ở nước ngoài và phần còn lại của khoản thu hồi vốn sau khi nộp thuế (theo quy định của nước tiếp nhận đầu tư) để đầu tư cho dự án đó nếu được quy định trong giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài, giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài điều chỉnh, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài điều chỉnh.

4. Việc chuyển lợi nhuận về Việt Nam:

a) Đối với dự án dầu khí ở nước ngoài có nhiều đối tác tham gia, nhà đầu tư có trách nhiệm thỏa thuận rõ cơ chế chia lợi nhuận như: thời điểm chia, tỷ lệ chia lợi nhuận hoặc cổ tức phát sinh hằng năm.

b) Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày có báo cáo quyết toán thuế hoặc văn bản phân chia lợi nhuận/văn bản có giá trị pháp lý tương đương theo quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư, nhà đầu tư phải chuyển toàn bộ lợi nhuận được

chia và các khoản thu nhập khác được nhận từ đầu tư dự án dầu khí ở nước ngoài về Việt Nam. Trong thời hạn này mà chưa chuyển lợi nhuận và các khoản thu nhập khác về Việt Nam, nhà đầu tư được gia hạn thêm không quá 12 tháng và phải có văn bản báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Ngân hàng nhà nước Việt Nam.

c) Nhà đầu tư được để lại lợi nhuận thu từ dự án dầu khí ở nước ngoài (lợi nhuận được chia, lợi nhuận sau thuế) nhằm mục đích tái đầu tư: (i) Góp vốn trực tiếp hoặc cho dự án dầu khí ở nước ngoài vay lại khi dự án chưa đạt vốn đầu tư ra nước ngoài đã đăng ký, tăng vốn đầu tư ra nước ngoài hoặc; (ii) Sử dụng để đầu tư cho những dự án dầu khí khác ở nước ngoài đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài.

d) Trong trường hợp lợi nhuận thu được từ dự án dầu khí ở nước ngoài (lợi nhuận được chia, lợi nhuận sau thuế) được giữ lại để tái đầu tư cho dự án dầu khí mới khác thì nhà đầu tư chỉ cần thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài cho dự án dầu khí đầu tư mới (giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài của dự án dầu khí đầu tư mới tách biệt với giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài của dự án hiện hữu đang triển khai).

e) Nhà đầu tư được phép ký kết các thỏa thuận cho vay ra nước ngoài mới hình thành từ lợi nhuận được chia, lợi nhuận sau thuế của nhà đầu tư để lại với hạn mức bằng tổng nợ gốc đã chuyển về Việt Nam của thỏa thuận cho vay ra nước ngoài đã ký kết mà không cần thực hiện thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài. Trong trường hợp này, thời hạn của thỏa thuận cho vay ra nước ngoài không quá 18 tháng tính từ thời điểm như quy định tại điểm b khoản 4 Điều này.

f) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp nhà nước, nhà đầu tư chưa phải thực hiện điều tiết lợi nhuận trong thời gian chưa chuyển lợi nhuận về Việt Nam theo quy định của pháp luật nhưng phải bổ sung, thuyết minh tại báo cáo tài chính, phục vụ giám sát, theo dõi của cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan có liên quan.

Điều 17. Chuyển nhượng dự án dầu khí ở nước ngoài

1. Nhà đầu tư được chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án dầu khí ở nước ngoài phù hợp quy định của hợp đồng dầu khí, thỏa thuận, giấy phép liên quan, pháp luật nước tiếp nhận đầu tư và các quốc gia có liên quan, Nghị định này và thông lệ công nghiệp dầu khí quốc tế. Cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án dầu khí ở nước ngoài án là cấp có thẩm quyền quyết định chuyển nhượng dự án.

2. Trường hợp chuyển nhượng toàn bộ dự án dầu khí ở nước ngoài, nhà đầu tư thực hiện thủ tục chấm dứt và thanh lý dự án theo quy định của Luật Đầu tư và Nghị định này.

3. Trường hợp việc chuyển nhượng dự án dầu khí ở nước ngoài phát sinh lợi nhuận, nhà đầu tư thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật có liên quan và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Điều 18. Xử lý chi phí của dự án dầu khí ở nước ngoài không thành công

1. Đối với chi phí phát sinh riêng của nhà đầu tư

a) Nhà đầu tư được phép phân bổ dần chi phí mua quyền tham gia dự án dầu khí ở nước ngoài (hoa hồng chữ ký, hoa hồng trữ lượng hoặc chi phí tương tự khác) mà không được ghi nhận vào chi phí dự án dầu khí ở nước ngoài hoặc không được thu hồi toàn bộ trong thời hạn không quá 05 năm kể từ ngày thực hiện chi trả các chi phí này.

b) Nhà đầu tư được kết chuyển toàn bộ chi phí quản lý, hành chính do nhà đầu tư trực tiếp chi trả nhưng không được ghi nhận vào chi phí của dự án dầu khí ở nước ngoài, trừ các chi phí quản lý, hành chính trực tiếp đến dự án do người điều hành gọi vốn định kỳ hoặc hàng năm. Các chi phí được kết chuyển gồm: chi phí chuẩn bị đầu tư hoặc thực hiện hoạt động hình thành dự án dầu khí ở nước ngoài (phí đọc tài liệu; chi phí đi lại; hội họp, đàm phán, phí thành lập pháp nhân tham gia dự án theo yêu cầu của nước tiếp nhận đầu tư); chi phí văn phòng quản lý, hỗ trợ dự án. Các chi phí này được phân bổ trong thời gian không quá 05 năm kể từ thời điểm phát sinh chi phí.

2. Đối với các dự án tìm kiếm thăm dò dầu khí

a) Các khoản chi phí đóng góp theo quy định của hợp đồng dầu khí nhưng không được tính là chi phí thu hồi có thể được thực hiện phân bổ ngay vào kỳ phát sinh chi phí;

b) Khi kết thúc giai đoạn tìm kiếm thăm dò dầu khí mà không có phát hiện thương mại trong diện tích hợp đồng và không có quyết định gia hạn giai đoạn tìm kiếm thăm dò dầu khí thì toàn bộ chi phí đã phát sinh trong giai đoạn tìm kiếm thăm dò dầu khí được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh của nhà đầu tư trong thời gian không quá 05 năm kể từ ngày có quyết định kết thúc dự án dầu khí ở nước ngoài và tổng chi phí phân bổ không vượt quá giá trị quyết toán;

c) Các chi phí được phép kết chuyển, phân bổ quy định tại điểm a, b khoản này bao gồm: các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động tìm kiếm thăm dò dầu khí của dự án dầu khí ở nước ngoài; các khoản đóng góp theo quy định của hợp đồng dầu khí nhưng không được tính là chi phí thu hồi;

d) Đối với dự án có phát hiện thương mại nhưng chỉ có hiệu quả kinh tế tính từ giai đoạn đầu tư phát triển và nhà đầu tư lựa chọn tiếp tục đầu tư phát triển thì toàn bộ hoặc phần chi phí tìm kiếm thăm dò dầu khí đã phát sinh được cấp quyết định đầu tư dự án phê duyệt mà không có khả năng thu hồi, sẽ được kết chuyển và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh của nhà đầu tư trong thời gian không quá 05 năm kể từ ngày dự án dầu khí ở nước ngoài bước vào giai đoạn phát triển. Trường hợp giá trị mỏ dầu khí tăng và dự án dầu khí ở nước ngoài đạt hiệu quả kinh tế cao hơn hoặc sau đó nhà đầu tư được nước tiếp nhận đầu tư cho phép thu hồi toàn bộ hoặc một phần chi phí tìm kiếm thăm dò dầu khí đã phát sinh trong giai đoạn tìm kiếm thăm dò dầu khí thì nhà đầu tư phải hoàn lại chi phí đã phân bổ tương ứng với phần hiệu quả kinh tế tăng thêm so với giá trị xác định tại thời

điểm bắt đầu phân bổ hoặc chi phí được nước tiếp nhận đầu tư cho phép thu hồi nhưng không vượt quá giá trị đã phân bổ từ dự án trước đây.

3. Đối với các dự án phát triển mỏ, khai thác dầu khí

a) Căn cứ vào kết quả khai thác sớm, báo cáo cập nhật sản lượng, chi phí và hiệu quả đầu tư dự án, nếu kết quả cập nhật cho thấy dự án không đảm bảo hiệu quả kinh tế so với phương án phát triển đã được phê duyệt thì phần chi phí tìm kiếm thăm dò, phát triển của dự án chưa được thu hồi sẽ được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh của nhà đầu tư trong thời gian không quá 05 năm kể từ năm kế tiếp năm có báo cáo cập nhật sản lượng nhưng không vượt quá giá trị suy giảm của mỏ dầu khí. Trường hợp giá trị mỏ tăng, phần chi phí đã được phân bổ được hoàn nhập lại chi phí nhưng không vượt quá giá trị đã được phân bổ kể từ ngày có quyết định của cấp quyết định đầu tư dự án về phương án phân bổ chi phí;

b) Các chi phí được phép phân bổ theo quy định tại điểm a khoản này bao gồm: các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu khí của dự án dầu khí ở nước ngoài; các khoản đóng góp theo quy định của hợp đồng dầu khí nhưng không được tính là chi phí thu hồi.

Điều 19. Kế toán

1. Nhà đầu tư được áp dụng hệ thống kế toán cho dự án dầu khí ở nước ngoài phù hợp với các quy định của hợp đồng dầu khí, giấy phép và quy định của nước tiếp nhận đầu tư.

2. Việc hạch toán theo dõi chi phí đầu tư của nhà đầu tư trong sổ sách kế toán của nhà đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam về kế toán.

Điều 20. Nghĩa vụ tài chính

1. Nhà đầu tư có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính liên quan đến dự án dầu khí ở nước ngoài đối với Nhà nước Việt Nam, nước tiếp nhận đầu tư theo quy định của pháp luật về thuế và pháp luật có liên quan.

2. Đối với trường hợp nhà đầu tư Việt Nam đầu tư ra nước ngoài thành lập hoặc tham gia đầu tư vào tổ chức ở nước ngoài để hoạt động dầu khí ở một quốc gia khác mà tổ chức đã chịu thuế thu nhập hoặc một loại thuế có bản chất tương tự như thuế thu nhập (kể cả thuế đối với cổ tức được chia, thuế đối với tiền lãi cổ phần), khi xác định nghĩa vụ thuế thu nhập phải nộp tại Việt Nam được trừ số thuế đã nộp hoặc tổ chức, đối tác khác trả, trả thay tại nước ngoài nhưng số thuế được trừ không vượt quá số thuế thu nhập tính theo mức thuế suất theo quy định của pháp luật Việt Nam về thuế tại thời điểm phát sinh thuế. Số thuế thu nhập đầu tư ra nước ngoài được miễn, giảm đối với phần lợi nhuận được hưởng từ dự án dầu khí ở nước ngoài theo pháp luật của nước tiếp nhận đầu tư cũng được trừ khi xác định số thuế thu nhập phải nộp tại Việt Nam.

3. Các khoản thu nhập của nhà đầu tư trong kỳ theo hợp đồng dầu khí được xác định theo quy định của nước tiếp nhận đầu tư là cơ sở để nhà đầu tư kê khai và thực hiện các nghĩa vụ tại Việt Nam (nếu có).

4. Đối với những hợp đồng dầu khí, dự án dầu khí ở nước ngoài trong đó phần thu (được chia) của nhà đầu tư không phân định thành các phần thu hồi vốn và các khoản thu nhập của nhà đầu tư, nhà đầu tư đăng ký bổ sung với Bộ Tài chính về cơ chế xác định các khoản thu của nhà đầu tư cho mục đích quản lý Nhà nước và hoàn thành các nghĩa vụ tại Việt Nam (nếu có).

5. Việc miễn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đối với phần vốn bằng hàng hóa, máy móc, thiết bị chuyển ra nước ngoài để thực hiện hoạt động đầu tư và chuyển từ nước ngoài về Việt Nam thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

Điều 21. Đưa người lao động Việt Nam đi làm việc tại dự án dầu khí ở nước ngoài và ổn định chính sách đối với người lao động tham gia thực hiện dự án dầu khí ở nước ngoài

1. Nhà đầu tư chỉ được đưa người lao động Việt Nam đi làm việc tại các dự án dầu khí ở nước ngoài sau khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài và đáp ứng quy định của pháp luật về lao động của Việt Nam và của nước tiếp nhận đầu tư.

2. Nhà đầu tư phải thực hiện đầy đủ các quy định về việc đưa người lao động Việt Nam đi làm việc cho dự án dầu khí ở nước ngoài theo quy định của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và quy định khác có liên quan.

3. Trường hợp người lao động được nhà đầu tư cử làm việc thường xuyên tại các tổ chức triển khai dự án dầu khí ở nước ngoài theo thỏa thuận bằng văn bản giữa nhà đầu tư với các đối tác mà tiền lương, tiền thưởng và các chế độ phụ cấp, bảo hiểm được tính vào chi phí tính thuế của dự án dầu khí ở nước ngoài trước khi chuyển cho nhà đầu tư để chi trả cho người lao động thì người lao động được đảm bảo chế độ tiền lương, tiền thưởng và phụ cấp theo quy định của hợp đồng lao động và các thỏa thuận với nhà đầu tư (người sử dụng lao động). Nhà đầu tư được sử dụng bảng lương ngoại tệ áp dụng đối với người lao động và làm cơ sở để thực hiện các nghĩa vụ về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các khoản đóng góp xã hội bắt buộc khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

4. Đối với trường hợp người lao động được nhà đầu tư cử làm việc thường xuyên tại các tổ chức triển khai dự án dầu khí ở nước ngoài mà các chế độ phụ cấp, bảo hiểm bắt buộc phải đóng theo quy định của pháp luật Việt Nam mà không được tính vào chi phí tính thuế của dự án dầu khí ở nước ngoài, nhà đầu tư được trích nộp từ chi phí sản xuất kinh doanh của mình và người lao động đóng góp từ thu nhập cá nhân để thực hiện các nghĩa vụ về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các khoản đóng góp xã hội bắt buộc khác cho người lao động theo quy định của pháp luật Việt Nam.

5. Chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các khoản đóng góp xã hội bắt buộc khác theo quy định của pháp luật Việt Nam đối với người lao động do nhà đầu tư cử làm việc thường xuyên tại các tổ chức triển

khai dự án dầu khí ở nước ngoài được thực hiện như với chức danh tương tự ở Việt Nam.

Điều 22. Thực hiện chế độ báo cáo đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí

Chế độ báo cáo đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí được thực hiện theo quy định tại Điều 83 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

Điều 23. Kết thúc đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí và hồ sơ, trình tự, thủ tục chấm dứt hiệu lực giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài

1. Việc kết thúc đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí được thực hiện theo quy định tại Điều 86 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

2. Hồ sơ, trình tự, thủ tục chấm dứt hiệu lực giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài được thực hiện theo quy định tại Điều 87 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

Chương IV

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI TRONG HOẠT ĐỘNG DẦU KHÍ

Điều 24. Quản lý nhà nước đối với đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí theo quy định Luật Đầu tư và Điều 99 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành biểu mẫu báo cáo để kiểm tra, thanh tra, giám sát, đánh giá hoạt động đầu tư của các dự án dầu khí tại nước ngoài phù hợp với đặc thù của ngành dầu khí.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm 2023 và thay thế Nghị định số 124/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định về đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí.

2. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các quy định của văn bản mới đó.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Điều 26. Quy định chuyển tiếp

1. Các hồ sơ đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí đã trình cơ quan có thẩm quyền trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì không phải trình lại và được thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật trước ngày Nghị định này có hiệu lực.

2. Đối với các dự án dầu khí có giấy phép đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài được cấp trước ngày 01 tháng 7 năm 2015 hoặc trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực, cũng như đối với dự án triển khai theo chỉ đạo, quyết định của Chính phủ mà không có giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài, nhà đầu tư được phép chuyển tiền để kết thúc hoạt động đầu tư tại nước ngoài và thực hiện thủ tục đăng ký với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chuyển tiền ra nước ngoài nhằm thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với nước tiếp nhận đầu tư, đối tác theo quy định của hợp đồng dầu khí, giấy phép hoặc các thỏa thuận và văn bản pháp lý khác có liên quan. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm sử dụng số ngoại tệ chuyển ra nước ngoài đúng mục đích phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, QHQT (3).